

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.062.686.826	12.175.600.832
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.360.806.826)	(11.167.822.224)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.945.264.000)	(69.752.744.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.243.384.000)	(68.744.965.392)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	21.531.667.530	(27.262.859.202)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.990.563.221	94.337.022.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	149.871.500	(83.600.569)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	88.672.102.251	66.990.563.221

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phùng Hữu Luận

Trang Thị Kiều Hậu

Lê Quang Doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 02 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	NGÀNH HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất : các số dư trong nội bộ Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị được đầu tư.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	41 – 50 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	428.630.681	582.639.424
Tiền gửi ngân hàng	77.243.471.570	32.407.923.797
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	11.000.000.000	34.000.000.000
CỘNG	88.672.102.251	66.990.563.221

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng cổ phần	31/12/2011 VND	Số lượng cổ phần	01/01/2011 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-			22.000.000.000
+ Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt (chứng chỉ quỹ)	-		180	18.000.000.000
+ Công ty CP Nhựa Tân Tiến (mệnh giá 100.000 đồng)	-		20.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-			(6.159.090.909)
CỘNG	-			15.840.909.091

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	355.481.991	-
BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	124.283.850	74.396.700
Các khoản phải thu khác	68.793.451	220.337.000
CỘNG	548.559.292	294.733.700

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	1.218.614.477	2.477.416.080
Nguyên liệu, vật liệu	42.015.811.642	109.892.665.529
Công cụ, dụng cụ	895.465.053	852.201.047
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	163.293.488.724	77.231.709.873
Thành phẩm	74.604.439.702	90.157.719.151
Hàng hoá	35.357.084.903	24.554.214.103
Cộng giá gốc hàng tồn kho	317.384.904.501	305.165.925.783
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	317.384.904.501	305.165.925.783

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	86.210.657	76.923.107
Tạm ứng	139.400.000	472.308.233
Ký quỹ, ký cược (*)	26.073.092.629	16.340.462.950
CỘNG	26.298.703.286	16.889.694.290

(*) Là các khoản ký quỹ mở L/C để thanh toán cho nhà cung cấp máy móc thiết bị và khuôn phụ tùng.

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	70.310.840.067	434.710.248.594	10.382.703.540	3.674.275.056	519.078.067.257
Số tăng trong năm	17.535.046.888	74.220.306.165	1.978.251.617	194.984.545	93.928.589.215
- Mua sắm mới	18.755.070	72.469.795.620	1.978.251.617	194.984.545	74.661.786.852
- Đầu tư XDCB hoàn thành	17.516.291.818	1.750.510.545	-	-	19.266.802.363
Số giảm trong năm	-	626.093.900	705.157.720	55.204.370	1.386.455.990
- Thanh lý, nhượng bán	-	626.093.900	705.157.720	55.204.370	1.386.455.990
Số dư cuối năm	87.845.886.955	508.304.460.859	11.655.797.437	3.814.055.231	611.620.200.482
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.067.007.684	239.823.685.432	5.408.302.927	1.518.685.832	290.817.681.875
Khấu hao trong năm	6.088.967.536	60.583.991.792	1.587.618.820	345.113.600	68.605.691.748
Số giảm trong năm	-	626.093.900	705.157.720	55.204.370	1.386.455.990
- Thanh lý, nhượng bán	-	626.093.900	705.157.720	55.204.370	1.386.455.990
Số dư cuối năm	50.155.975.220	299.781.583.324	6.290.764.027	1.808.595.062	358.036.917.633
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	26.243.832.383	194.886.563.162	4.974.400.613	2.155.589.224	228.260.385.382
Tại ngày cuối năm	37.689.911.735	208.522.877.535	5.365.033.410	2.005.460.169	253.583.282.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	35.996.185.657
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	35.996.185.657
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.628.331.295
Khấu hao trong năm	762.250.680
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	5.390.581.975
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	31.367.854.362
Tại ngày cuối năm	30.605.603.682

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	322.015.454	5.820.683.272
Trong đó những công trình lớn:		
+ Chi phí khảo sát Nhà máy ép phun tại Sóng Thần	322.015.454	322.015.454
+ Xưởng PE	-	4.961.481.818
+ Trạm biến áp 500 KVA	-	537.186.000
CỘNG	322.015.454	5.820.683.272

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phần	31/12/2011 VND	Số lượng cổ phần	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác				8.125.000.000
Đầu tư dài hạn khác		30.125.000.000		8.125.000.000
- Đầu tư cổ phiếu				
+ Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	650.000	8.125.000.000	650.000	8.125.000.000
+ Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	180	18.000.000.000		-
- (Chứng chỉ quỹ)				
+ Công ty CP Nhựa Tân Tiến	20.000	4.000.000.000		-
- (mệnh giá 100.000 đồng)				
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.751.818.182)		-
CỘNG		21.373.181.818		8.125.000.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí tiền thuê đất (*)	71.659.351.566	-
CỘNG	71.659.351.566	-

(*) Là khoản trả trước 2 đợt chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An theo hợp đồng số 26/HĐNT-VL2-2010 ngày 13/09/2010. Thời hạn thuê đến năm 2060.

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	7.969.880.000	12.268.000.000
+ Vay cá nhân (*)	7.969.880.000	12.268.000.000
CỘNG	7.969.880.000	12.268.000.000

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam cùng thời điểm.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.780.699.421	1.973.609.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.635.378.636	11.212.173.690
Thuế thu nhập cá nhân	933.783.250	7.746.870
CỘNG	39.349.861.307	13.193.530.314

13. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí hỗ trợ khách hàng	6.570.702.816	7.665.508.663
Chi phí lãi vay	396.792.026	866.208.389
Chi phí phải trả khác	125.000.000	125.000.000
CỘNG	7.092.494.842	8.656.717.052

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	625.659.777	102.309.104
Kinh phí công đoàn	975.401.800	815.309.364
Cổ tức phải trả	356.962.000	335.122.000
Phải trả tiền thuế TNCN thu thừa CBCNV	17.369.661	1.219.872.614
Các khoản phải trả, phải nộp khác	367.100.000	996.533.000
CỘNG	2.342.493.238	3.469.146.082

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	908.145.618	427.758.409
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(184.457.650)	(231.302.493)
TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI	723.687.967	196.455.915

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	347.691.920.000	1.592.782.700	130.864.228.602	18.485.564.387	16.796.149.211	156.474.371.916
- Lãi trong năm trước						275.297.732.223
- Phân phối lợi nhuận năm 2009	1.071.800.000	-	133.324.971.916	12.500.000.000	500.000.000	(156.474.371.916)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			133.324.971.916			(133.324.971.916)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính				12.500.000.000		(12.500.000.000)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					500.000.000	(500.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(4.400.000.000)
+ Thuởng ESOP						(1.071.800.000)
+ Thuởng cho HĐQT và BKS						(2.390.000.000)
+ Các khoản chi thưởng cho khách hàng năm 2009						(2.287.600.000)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2010			26.763.066.729	6.381.533.365	9.800.000.000	(58.826.133.459)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			26.763.066.729			(26.763.066.729)
+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính				6.381.533.365		(6.381.533.365)
+ Tạm trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					9.800.000.000	(9.800.000.000)
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(15.881.533.365)
- Chia cổ tức bằng tiền năm 2010						(69.752.744.000)
Số dư cuối năm trước	348.763.720.000	1.592.782.700	290.952.267.247	37.367.097.752	27.096.149.211	146.718.854.764

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	348.763.720.000	1.592.782.700	290.952.267.247	37.367.097.752	27.096.149.211	146.718.854.764
- Lãi trong năm						294.529.579.600
- Phân phối lợi nhuận năm 2010	1.071.800.000	-	134.284.588.129	-	4.000.000.000	(146.717.854.764)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			134.284.588.129			(134.284.588.129)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					4.000.000.000	(4.000.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(5.118.466.635)
+ Thuởng ESOP	1.071.800.000					(1.071.800.000)
+ Thuởng cho HĐQT và BKS						(2.243.000.000)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2011			29.522.880.763	1.211.440.382	3.887.402.789	(54.983.164.316)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			29.522.880.763			(29.522.880.763)
+ Tạm trích quỹ dự phòng tài chính				1.211.440.382		(1.211.440.382)
+ Tạm trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					3.887.402.789	(3.887.402.789)
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(20.361.440.382)
- Chia cổ tức bằng tiền năm 2011						(69.967.104.000)
Số dư cuối năm	349.835.520.000	1.592.782.700	454.759.736.139	38.578.538.134	34.983.552.000	169.580.311.285

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	%	01/01/2011 VND	%
Vốn góp của Nhà nước	103.565.160.000	30%	103.565.160.000	30%
Vốn góp của các đối tượng khác	246.270.360.000	70%	245.198.560.000	70%
CỘNG	349.835.520.000	100%	348.763.720.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	348.763.720.000	347.691.920.000
Vốn góp tăng trong năm	1.071.800.000	1.071.800.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	349.835.520.000	348.763.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	69.967.104.000	69.752.744.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.983.552	34.983.552
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.983.552	34.876.372
- Cổ phiếu phổ thông	34.983.552	34.876.372
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.983.552	34.769.192
- Cổ phiếu phổ thông	34.983.552	34.769.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.852.671.588.329	1.441.655.094.939
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.742.284.140.987	1.367.460.470.645
- Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	110.387.447.342	74.194.624.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.248.303.945	24.794.752.221
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	24.713.186.295	22.583.456.297
- Hàng bán bị trả lại	1.535.117.650	2.211.295.924
- Giảm giá hàng bán	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.826.423.284.384	1.416.860.342.718
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.717.561.864.107	1.343.934.541.680
- Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	108.861.420.277	72.925.801.038
4. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư, hàng hóa đã bán	1.355.892.001.307	1.035.350.522.823
CỘNG	1.355.892.001.307	1.035.350.522.823
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.103.110.737	9.240.656.733
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.169.871.960	1.019.897.040
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	178.058.669	118.829.796
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.143.584.005	
Lãi đầu tư công trái	-	22.200.000
CỘNG	14.594.625.371	10.401.583.569

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	847.975.744	1.130.064.900
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	95.815.402	697.945.448
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	269.442.356
Chiết khấu thanh toán	5.249.992.722	4.582.537.003
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.592.727.273	559.090.909
CỘNG	8.786.511.141	7.239.080.616

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25 % trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	90.280.462.576	38.372.731.116

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	184.457.650	231.302.493
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(711.689.703)	(170.416.401)
CỘNG	(527.232.052)	60.886.093

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	294.529.579.600	275.297.732.223
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	294.529.579.600	275.297.732.223
Cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	34.983.552	34.983.552
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.419	7.869

(*) Ghi chú: Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2010 đã được điều chỉnh hồi tố cho 107.180 cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2011.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.167.298.747.699	891.771.449.310
Chi phí nhân công	84.970.090.184	68.886.317.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.367.942.428	53.707.370.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.624.019.241	51.849.484.821
Chi phí khác bằng tiền	27.045.385.924	16.842.435.010
Cộng	1.416.306.185.476	1.083.057.056.208

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	9.011.709.454	7.336.862.833

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương tiền	88.672.102.251	66.990.563.221	88.672.102.251	66.990.563.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.968.842.478	182.498.777.945	278.968.842.478	182.498.777.945
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.373.181.818	23.965.909.091	21.373.181.818	23.965.909.091
CỘNG	389.014.126.547	273.455.250.257	389.014.126.547	273.455.250.257
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	7.969.880.000	12.268.000.000	7.969.880.000	12.268.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	24.630.715.385	65.673.953.693	24.630.715.385	65.673.953.693
Chi phí phải trả	7.092.494.842	8.656.717.052	7.092.494.842	8.656.717.052
CỘNG	39.693.090.227	86.598.670.745	39.693.090.227	86.598.670.745

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2010 và vào ngày 31/12/2011.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	39.693.090.227	-	39.693.090.227
Các khoản vay	7.969.880.000	-	7.969.880.000
Phải trả người bán	22.288.222.147	-	22.288.222.147
Phải trả khác	2.342.493.238	-	2.342.493.238
Chi phí phải trả	7.092.494.842	-	7.092.494.842
Số đầu năm	86.598.670.745	-	86.598.670.745
Các khoản vay	12.268.000.000	-	12.268.000.000
Phải trả người bán	62.204.807.611	-	62.204.807.611
Phải trả khác	3.469.146.082	-	3.469.146.082
Chi phí phải trả	8.656.717.052	-	8.656.717.052

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(Tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Trang Thị Kiều Hậu

Tổng Giám đốc

Lê Quang Doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2012

THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

CÔNG TY NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN GÓP VÀO CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Hiện không có công ty nào

CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN GÓP DO CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH NẴM GIỮ



Ông Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc Nhựa Bình Minh
miền Bắc

Công ty TNHH MTV
Nhựa Bình Minh miền Bắc
tại Hưng Yên



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC NBMPLASCO

Thành lập năm 2007 bằng 100% vốn thuộc Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh, hạch toán độc lập với tên gọi Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM). Công ty có sứ mệnh tham gia phát triển thị phần miền Bắc, đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh đến với người tiêu dùng trong cả nước.

Năm 2011 Công ty đã được bổ sung cán bộ cấp trung từ Công ty mẹ nắm giữ vai trò Giám đốc, Phó Giám đốc NBM nhằm tiếp tục

củng cố nguồn lực đáp ứng nhu cầu tại đây.

Với phương châm chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu, thỏa mãn dịch vụ là yếu tố cạnh tranh, NBM đã từng bước khẳng định được vị thế của mình tại thị trường miền Bắc. Năm 2011 doanh số đạt 205 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 50% so với năm 2010, lợi nhuận đạt 24 tỷ tăng 66% so với năm 2010, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Phân xưởng được trang bị
máy móc hiện đại xuất xứ từ châu Âu



Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm được mở rộng với 25 cửa hàng bán sản phẩm thành lập mới trong năm 2011. NBM thường xuyên tham gia các hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Sao Vàng Đất Việt, VietBuild tại khu vực phía Bắc trong năm 2011.

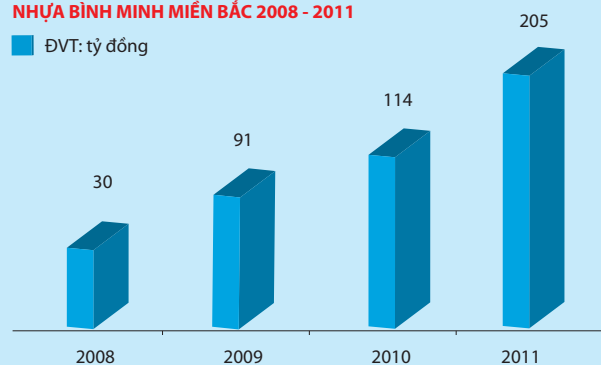
Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động được nâng cao, tạo được tâm lý an tâm công tác và ngày càng gắn bó với Công ty hơn.

Căn cứ vào những thành tích đạt được, NBM đã vinh dự được nhận Bằng khen của Bộ Công thương và Công đoàn NBM nhận Bằng khen của Công đoàn Công thương Việt Nam năm 2011.

Mặc dù năm 2012 trước mắt còn không ít khó khăn, nhưng với thiết bị công nghệ hiện đại, bên cạnh lực lượng lao động trẻ, có năng lực NBM vẫn đang vững tin vào con đường phát triển của mình.

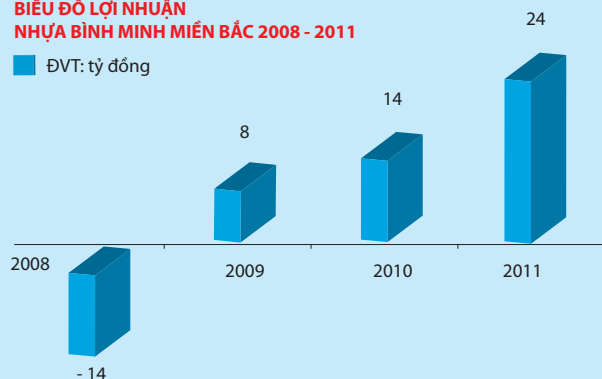
**BIỂU ĐỒ DOANH THU
NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC 2008 - 2011**

■ ĐVT: tỷ đồng



**BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN
NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC 2008 - 2011**

■ ĐVT: tỷ đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84) 8 3969 0973 - Fax: (84) 8 3960 6814
www.binhminhplastic.com

Trụ sở Công ty



NHÀ MÁY 1

57 Nguyễn Đình Chi - Phường 9 - Quận 6 - Tp. HCM
Điện thoại: 08.39 690 973



1



2

1. Nhà máy 1
2. Xưởng sản xuất Nhà máy 1



3

4

NHÀ MÁY 2

Số 7 đường số 2 - Khu Công nghiệp Sóng Thần
Thị trấn: Dĩ An - Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 08.38 968 465

Đây là nhà máy chính của Công ty ở phía Nam với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu như Đức, Ý, Áo. Tổng diện tích nhà xưởng, kho bãi là 50.000 m².

3. Nhà máy 2
4. Xưởng sản xuất Nhà máy 2

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT:

Tổng thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1.267.000.000 đồng tương ứng 1,5% tổng quỹ lương năm 2011 của Công ty.

Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 2.534.000.000 đồng do vượt kế hoạch đề ra theo Nghị quyết Đại hội cổ đông không quá hai lần thù lao năm 2011.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG:

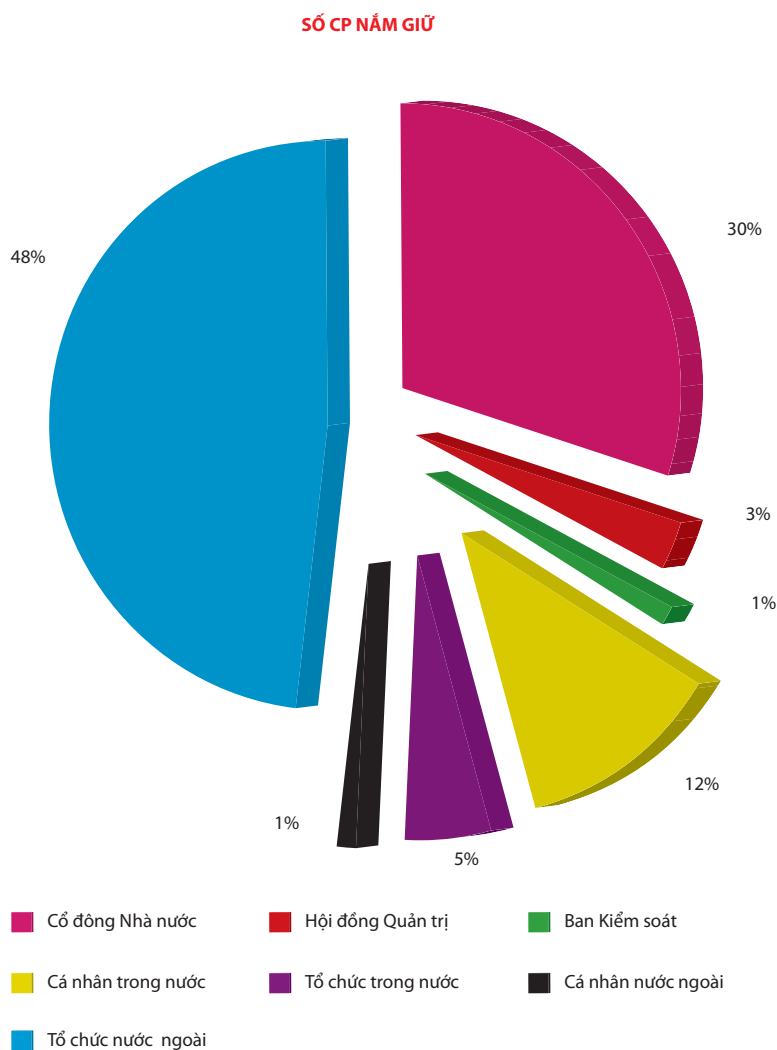
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GIAO DỊCH TRONG NĂM 2011	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	0	453.954	1,30%
2	Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	257.338	0,74%
3	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	195.314	0,56%
4	Trang Thị Kiều Hậu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	0	232.474	0,66%
5	Bùi Quang Khôi	Thành viên HĐQT	0	71.776	0,21%
6	Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS	0	97.458	0,28%
7	Nguyễn Kim Thượng	Thành viên BKS	0	117.422	0,34%
8	Đinh Thị Nguyệt Hà	Thành viên BKS	0	24.530	0,07%
	TỔNG CỘNG		0	1.450.266	4,16%

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG:

STT	HỌ VÀ TÊN	QUAN HỆ	NGƯỜI LIÊN QUAN	CHỨC VỤ	GIAO DỊCH TRONG NĂM 2011	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Văn Thị Ngọc Nhan	Vợ	Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	0	204.060	0,583%
2	Nguyễn Thị Bích	Vợ	Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	112.000	0,320%
3	Trang Như Hạ	Em ruột	Trang Thị Kiều Hậu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	0	414	0,001%
4	Trang Thị Kiều Thiên	Em ruột	Trang Thị Kiều Hậu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	0	1.200	0,003%
5	Nguyễn Thị Phương Mai	Em ruột	Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS	0	880	0,003%
6	Nguyễn Thành Đạt	Em ruột	Nguyễn Kim Thưởng	Thành viên BKS	0	1.740	0,005%
7	Nguyễn Thanh Giang	Em ruột	Nguyễn Kim Thưởng	Thành viên BKS	0	27.740	0,079%
8	Đình Hoàng Dũng	Em ruột	Đình Thị Nguyệt Hà	Thành viên BKS	0	460	0,001%
9	Đình Hoàng Quân	Em ruột	Đình Thị Nguyệt Hà	Thành viên BKS	0	2.000	0,006%
10	Đình Hoàng Trung	Em ruột	Đình Thị Nguyệt Hà	Thành viên BKS	0	800	0,002%
	TỔNG CỘNG				0	351.294	1,003%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 30/11/2011:

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CP NẪM GIỮ	TỶ LỆ %
1	Cổ đông Nhà nước	10.356.516	29,60%
2	Hội đồng Quản trị	1.210.856	3,46%
3	Ban Kiểm soát	239.410	0,68%
4	Cá nhân trong nước	4.126.286	11,80%
5	Tổ chức trong nước	1.910.430	5,46%
6	Cá nhân nước ngoài	300.040	0,86%
7	Tổ chức nước ngoài	16.840.014	48,14%
	TỔNG CỘNG	34.983.552	100,00%



THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN - SH > 5% CP

STT	CỔ ĐÔNG	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
1	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC	Cổ đông Nhà nước	10.356.516	29,60%
2	FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS-TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	Tổ chức nước ngoài	3.045.850	8,71%
3	VIETNAM HOLDING LIMITED	Tổ chức nước ngoài	2.190.538	6,26%
	TỔNG CỘNG		15.592.904	44,57%

TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG LỚN ĐẾN NGÀY 30/11/2011:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CP TRƯỚC GIAO DỊCH	TỶ LỆ SH TRƯỚC GD	LOẠI GIAO DỊCH	SỐ CP SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SH SAU GD	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS-TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	2.104.800	6,02%	Mua	3.045.850	8,71%	Từ tháng 1/2011 đến tháng 11/2011

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG SH >1% - 5% CP

STT	CỔ ĐÔNG	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
1	QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT	Tổ chức trong nước	694.290	1,98%
2	FRONTAURA GLOBAL FRONTIER FUND LLC	Tổ chức nước ngoài	810.426	2,32%
3	KITMC WORLDWIDE VIETNAM RSP BALANCE FUND	Tổ chức nước ngoài	1.036.814	2,96%
4	KWE BETEILIGUNGEN AG	Tổ chức nước ngoài	1.584.058	4,53%
5	PXP VIETNAM FUND LIMITED	Tổ chức nước ngoài	1.015.780	2,90%
	TỔNG CỘNG		5.141.368	14,69%

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT BKS:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2011:

Với ưu thế tất cả thành viên đều là người của Công ty, Hội đồng Quản trị trong năm đã có 14 phiên họp định kỳ và đột xuất.

Các phiên họp:

NGÀY HỌP	SỐ TV THAM DỰ	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT
21/01	05	Tổng kết công tác 2010. Kế hoạch năm 2011	
16/3	04	Sơ kết hoạt động Quý 1. Rà soát các nội dung chuẩn bị cho Đại hội cổ đông	
06/4	05	Chuẩn bị các nội dung làm việc với đại cổ đông	
28/4	04	Xác định các chiến lược định hướng Công ty.	
09/6	04	Quy chế quản trị Công ty	
13/6	04	Kế hoạch hợp tác chuyển đổi công năng mặt bằng 240 Hậu Giang	
22/6	04	Kế hoạch hợp tác chuyển đổi công năng mặt bằng 240 Hậu Giang	Nghị quyết về việc hợp tác thành lập pháp nhân mới nhằm chuyển đổi công năng 240 Hậu Giang.
25/7	05	Mục tiêu dài hạn cho NBM	
01/8	04	Vấn đề đầu tư chiến lược tại DPC	
17/8	05	Vấn đề đầu tư chiến lược tại DPC	
17/10	05	Dự kiến thực hiện năm 2011. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2011	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức 20% trong năm 2011.
02/11	05	Các chiến lược phát triển Công ty	
16/11	05	Các chiến lược phát triển Công ty. Thành lập Ban Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro.	
30/12	05	Sơ kết tình hình năm 2011.	

Ngoài những công việc chung của công tác quản trị, Hội đồng đã có những cải tiến, bổ sung cơ cấu tổ chức và yêu cầu riêng cho từng thành viên:

★ Rà soát tiến độ thực hiện dự án lớn Vĩnh Lộc.

★ Giao trách nhiệm cho tất cả thành viên trong Hội đồng Quản trị soạn thảo:

- ♦ Chiến lược kinh doanh
- ♦ Chiến lược sản phẩm
- ♦ Chiến lược đầu tư
- ♦ Chiến lược tài chính
- ♦ Chiến lược nguồn nhân lực
- ♦ Rà soát quy chế, điều lệ và các chính sách quản trị.



Các thành viên của HĐQT tiếp tục tham gia các buổi tập huấn, hội thảo do các đơn vị chức năng và các Quỹ đầu tư lớn tổ chức như SCIC, Việt Nam Holding, Dragon Capital...

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT NĂM 2011:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TĂNG/ GIẢM (%)
Doanh thu (tỷ đồng)	1.650	1.826	+11
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	300	381,5	+27
Cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu (%)	20	20	0

3. BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ NĂM 2012:

Nhằm tăng cường tính hiệu quả của công tác quản trị trong năm 2012 và những năm sau, Hội đồng Quản trị đã có nhiều buổi họp xem xét và đánh giá một cách nghiêm túc những việc đã làm được và chưa làm được trong năm qua để tạo điều kiện cho mọi thành viên và cả Hội đồng làm tốt công tác quản trị của mình.

- ★ Từng thành viên được phân công thêm nhiệm vụ quản trị một cách cụ thể, được kiểm soát trong mỗi kỳ họp và đánh giá định kỳ hằng sáu tháng.
- ★ Tạo điều kiện cho các thành viên tham dự các lớp tập huấn, hội thảo do các cơ quan chức năng và các Quỹ đầu tư bên ngoài tổ chức nhằm nâng cao năng lực quản trị.
- ★ Quyết định thành lập Ban Kiểm soát nội bộ - Quản trị rủi ro nhằm cung cấp cho Hội đồng Quản trị thông tin kịp thời, chính xác giúp ích cho việc phòng ngừa.
- ★ Tạo nguồn lực cho Ban Quan hệ cổ đông nhằm thỏa mãn nhu cầu nắm thông tin của cổ đông.
- ★ Trong năm, sẽ thực hiện đúng tiến độ việc bàn giao công tác của Tổng Giám đốc nhằm tách bạch công tác quản trị và điều hành Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



Ban Kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, được Đại hội cổ đông 2008 bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm gồm:

1/ Bà Nguyễn Thị Phương Nga
Trưởng phòng Tiếp Thị – Trưởng Ban

2/ Ông Nguyễn Kim Thượng
Trưởng phòng R&D – Thành viên

3/ Bà Đinh Thị Nguyệt Hà
Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
– Thành viên

Trong năm 2011, Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty với kết quả như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- ★ Năm 2011 là một năm khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2011 đã hoạt động tích cực, đưa ra nhiều giải pháp sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế. Thông qua các nghị quyết, Hội đồng quản trị triển khai kịp thời các quyết định để đưa Nhựa Bình Minh vượt qua thách thức, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 được Đại hội cổ đông thông qua, giữ vững sự phát triển ổn định của Công ty.
- ★ Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị đã được thành lập và đi vào hoạt động nhằm tăng cường công tác giám sát và quản trị rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.
- ★ Để định hướng cho hoạt động dài hạn trong tương lai, Hội đồng quản trị đã đề ra chiến lược phát triển toàn diện Công ty đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

Tất cả thành viên Ban điều hành của Công ty đều là thành viên Hội đồng quản trị, do đó việc nắm bắt và triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị rất thuận lợi, nhanh chóng và đạt hiệu quả cao. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như năm 2011, việc giữ được sản xuất ổn định và phát triển, tiết kiệm chi phí, kinh doanh đạt hiệu quả cao, tiếp tục đầu tư đúng hướng, nhân sự ổn định, thu nhập của người lao động tương xứng với hiệu quả làm ra... đã nói lên sự tâm huyết và cố gắng vượt bậc của Ban điều hành.

Kết quả hoạt động sau đây đánh giá sự hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm 2011:

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2011:

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh, chi trả cổ tức, thù lao:

So với nghị quyết của Đại hội Cổ đông năm 2011, số liệu thực hiện cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	THEO NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN	TỈ LỆ%
1	Doanh thu	1.650 tỷ	1.826 tỷ	111
2	Lợi nhuận trước thuế	300 tỷ	384 tỷ	128
3	Cổ tức bằng tiền mặt	Tối thiểu 20%	20%	100
4	Thù lao của HĐQT và BKS	1,5%/tổng quỹ lương	1,267 tỷ	100
5	Tiền thưởng cho HĐQT và BKS	Không vượt quá 2 lần tổng thù lao	2,534 tỷ	100

b. Hoạt động Tài chính:

Công ty đã tuân thủ đúng quy định của luật Kế toán, luật Thuế, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều lệ Công ty. Các khoản hạch toán minh bạch, rõ ràng, cụ thể như sau:

★ Về nguồn vốn:

- ♦ Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2011 là 349.835.520.000 đồng (tương đương với 34.983.552 cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng) tăng 0,3% so với đầu năm 2011 do bổ sung cổ phiếu ESOP năm 2010 theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2006.
- ♦ Việc trích lập các quỹ được thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội cổ đông 2011 (chi tiết theo tờ trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 của Hội đồng quản trị).
- ♦ Công ty kiểm soát tốt và sử dụng có hiệu quả các khoản vay, hiện tổng nợ phải trả là 117 tỷ đồng/ tổng giá trị tài sản là 1.166 tỷ (10%), trong đó vay ngắn hạn là 8 tỷ, không có khoản vay dài hạn.

★ Về quản lý tiền, doanh thu, chi phí:

- ♦ Việc kiểm soát các khoản phải thu được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Công ty, trích lập dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi theo đúng quy định của Nhà nước là 897 triệu, giảm 9% so với năm 2010 do thu hồi được công nợ nên hoàn nhập dự phòng, nợ xấu không đáng kể.
- ♦ Các quy trình xử lý nghiệp vụ của Công ty được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, do đó Công ty kiểm soát tốt các chi phí.

★ Về hoạt động đầu tư:

- ♦ *Đầu tư tài chính:* Ngoại trừ các khoản đã đầu tư ở các năm trước, trong năm 2011 Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư tài chính nào. Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước là 6,932 tỷ, tăng 13% so với năm 2010, trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (chứng khoán) là 1,82 tỷ, tăng 100% so với năm 2010.
- ♦ *Đầu tư tài sản:* Trong năm 2011, Công ty đã đầu tư vào máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý để tăng cường năng lực sản xuất bằng nguồn vốn tự có. Tổng giá trị đầu tư là 93,93 tỷ đồng. Tất cả các dự án đầu tư đều được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ, được bàn bạc và thống nhất trong HĐQT, Ban điều hành.
- ♦ Việc đầu tư xây dựng Nhà máy 4 tại khu công nghiệp Vĩnh Lộc đang ở giai đoạn chờ phê duyệt mặt bằng tổng thể, đạt kế hoạch tiến độ.
- ♦ Việc chuyển đổi công năng khu vực 240 Hậu Giang đã tìm được đối tác và đang trong giai đoạn trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

c. Phân phối cổ phiếu thưởng ESOP:

Chương trình cổ phiếu thưởng Esop của Công ty mẹ và cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV Công ty TNHH Nhựa Bình Minh miền Bắc đã kết thúc. Toàn bộ số cổ phiếu của hai chương trình (875.440 cổ phiếu) đã được niêm yết theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông.

4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2011:

Đơn vị kiểm toán của Công ty trong năm 2011 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), là 1 trong 4 đơn vị kiểm toán được Đại hội cổ đông năm 2011 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, chúng tôi nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.

5. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐỀ NGHỊ NĂM 2011 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong báo cáo năm 2010 của Ban Kiểm soát đề nghị tiến hành đăng ký lưu hành 107.180 cổ phiếu ESOP phân phối cho CBCNV Công ty của năm 2009 đã được Hội đồng quản trị thực hiện trong năm 2011.

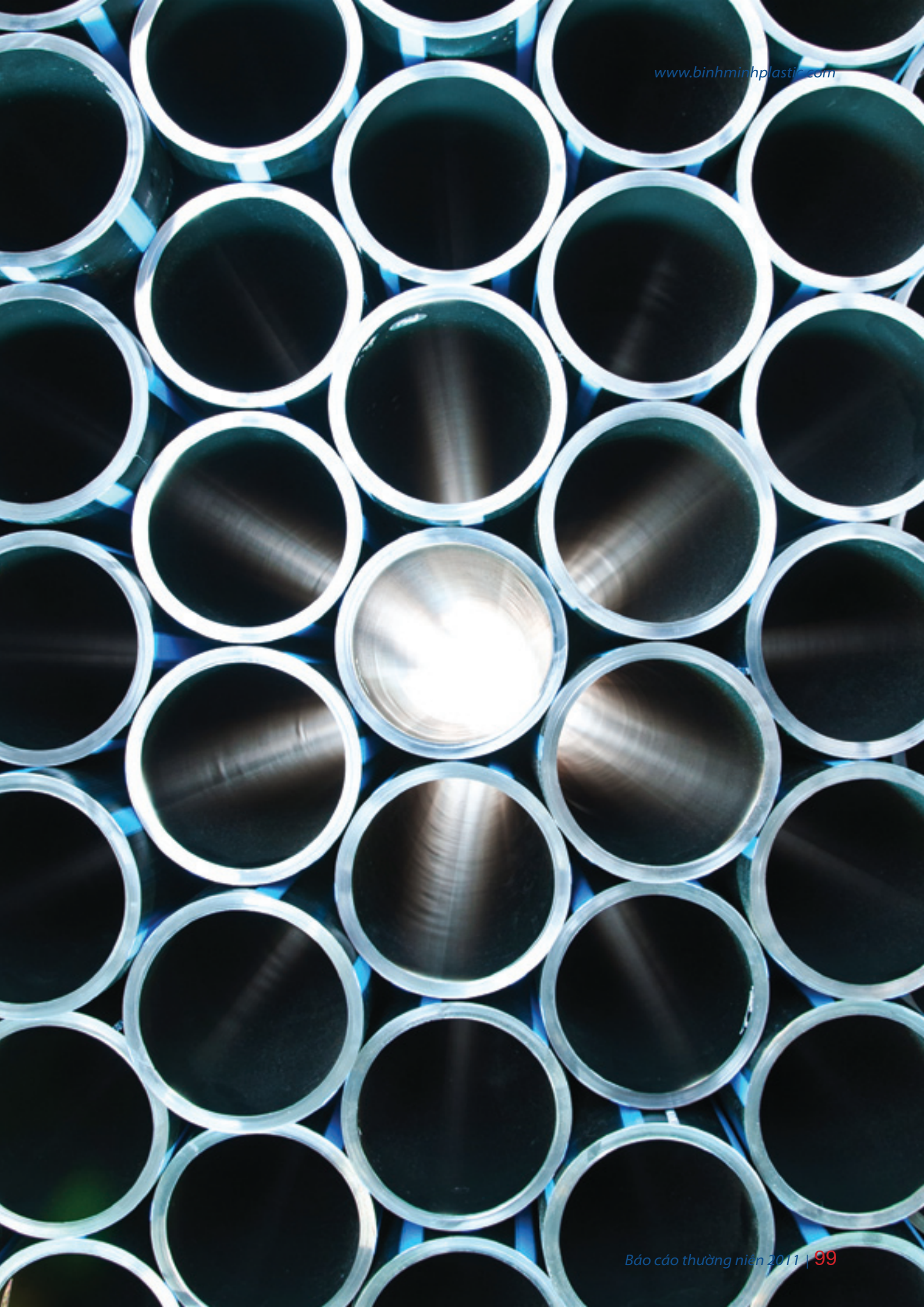
6. ĐỀ NGHỊ:

- ★ Hội đồng quản trị sớm ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ và có kế hoạch hoạt động trong năm 2012.
- ★ Bổ nhiệm Thư ký hội đồng quản trị thay thế cho Thư ký cũ được phân công nhiệm vụ khác.

7. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012:

- ★ Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán, quản lý doanh thu, chi phí thông qua việc kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm và tham gia vào công tác kiểm kê định kỳ của Công ty.
- ★ Kiểm tra việc thực hiện điều lệ và nghị quyết của Đại hội Cổ đông năm 2012.
- ★ Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị về việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, thực hiện các dự án đầu tư.
- ★ Các thành viên tham gia các khóa đào tạo, hội thảo có liên quan để nâng cao trình độ và kỹ năng phục vụ cho công việc của Ban.

Trên đây là kết quả việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2011 đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Chúng tôi cam kết thực hiện công việc được giao một cách công tâm và cẩn trọng, các nhận xét và số liệu trên là trung thực và khách quan. Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cổ đông về kết quả trên.



CÁC THÔNG TIN KHÁC

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ



Ban Quan hệ cổ đông và người công bố thông tin của Công ty đã có 07 cuộc tiếp xúc định kỳ và đột xuất trong năm với các nhà đầu tư có quan tâm, gồm những ngày 24/02, 18/3, 17/5, 25/5, 30/5, 05/8 và 11/11/2011.

Trong những cuộc gặp gỡ này, Công ty đã làm rõ những thắc mắc của cổ đông, công bố những thông tin mới về tình hình thị trường, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đến các cổ đông có quan tâm.

Tuy nhiên, hoạt động này vẫn chưa đáp ứng được tất cả mong mỏi gần như hàng ngày của cổ đông nên Công ty đã phối hợp với Công ty FPT trong việc nối đường dẫn đến website của nhau nhằm thỏa mãn nhanh nhất những yêu cầu về công bố thông tin vì việc trả lời qua điện thoại gần như không thể.

Để tăng cường hiệu quả IR trong năm 2012:

- ★ Ban Quan hệ cổ đông sẽ nâng cao hơn nữa việc kết hợp với Công ty FPT về lĩnh vực IR.

- ★ Công bố danh sách người phụ trách những mảng chuyên môn để cổ đông có thể gửi bảng câu hỏi đến trực tiếp.
- ★ Duy trì việc gặp gỡ các nhà đầu tư định kỳ vào mỗi quý.
- ★ Chuẩn bị tốt báo cáo thường niên gửi cho nhà đầu tư trước Đại hội cổ đông.
- ★ Cập nhật tin tức trong mục Quan hệ cổ đông trên trang web Công ty một cách hiệu quả và kịp thời.
- ★ Dịch các tài liệu phục vụ cho cổ đông sang tiếng Anh cho đối tượng nhà đầu tư nước ngoài.



BÁO CÁO VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh và chăm lo đến đời sống của CBCNV, các hoạt động Xã hội – Từ thiện cũng luôn được Công ty đặc biệt chú trọng. Thực hiện cuộc vận động “Chung tay vì cộng đồng của Đảng và Nhà Nước”, trong nhiều năm liên tục Công ty tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào, Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo, Ủng hộ đồng bào bị thiên tai bị bão lũ, Ủng hộ cho Hội chữ Thập đỏ. Tặng học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các cháu học sinh giỏi. Thường xuyên tặng quà cho các cháu Hội khiếm thị và trường khuyết tật nhân dịp tổng kết hằng năm, tặng 1.000 cuốn tập cho các cháu học sinh nghèo vượt khó do Liên đoàn Lao động TP.HCM vận động và gửi quà tặng con các chiến sĩ ngoài Hải đảo do báo Công an TP.HCM kêu gọi. Xây dựng 03 căn nhà tình nghĩa, tình thương. Phụng dưỡng 05 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 03 mẹ liệt sĩ, 01 con công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó. Trong năm 2011 Công ty đã trích quỹ ủng hộ cho chương trình “Góp đá xây Trường Sa” là 50 triệu đồng, tổng số tiền trong năm lên đến trên 600 triệu đồng.

Ngoài việc tham gia các phong trào Xã hội, hằng năm Công ty còn tổ chức “Ngày hội Hiến máu” đã thu hút được đông đảo CBCNV tham dự, trong liên tục 8 năm vừa qua đã có gần 1.000 người tham gia.



BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công tác BHLĐ được Công ty luôn chú trọng, HDBHLĐ hoạt động có bài bản và nề nếp, tuy nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững và cam kết có trách nhiệm cao đối với cộng đồng và xã hội, năm 2011 lãnh đạo Công ty quyết tâm xây dựng, thực hiện và đánh giá chứng nhận thành công hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2010.

Lãnh đạo Công ty đã ban hành Chính sách Môi trường, Mục tiêu môi trường, hệ thống tài liệu phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001 và tổ chức học tập, huấn luyện đến tất cả người lao động trong Công ty, đồng thời gửi thông điệp này đến tất cả các khách hàng, nhà cung ứng thông qua thư ngỏ, website của Công ty và thẻ khách khi đến quan hệ, làm việc với Công ty.

Mặc dù mới áp dụng, nhưng hệ thống QL môi trường ISO 14001 đã bước đầu tạo được ý thức trách nhiệm



cao của người lao động trong việc đảm bảo điều kiện làm việc được an toàn, giữ gìn cảnh quan, tiết kiệm tài nguyên, bước đầu phân loại các loại chất thải ngay tại nguồn, ... trong Công ty cũng như tại gia đình và ngoài xã hội.



NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84) 8 3969 0973 - Fax: (84) 8 3960 6814

www.binhminhplastic.com